

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 5- ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/DS-ST  
Ngày: 25 - 08 -2025  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phí Thị Hồng Năm

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Ba  
2. Ông Trần Minh Tiến

*Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Sỹ Khánh - Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:*  
Ông Nguyễn Hữu Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 08 năm 2025, Tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 03 năm 2025, về việc: “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Mai H, sinh năm 1983. CCCD số 075183022678 do cục C về trật tự xã hội cấp. Địa chỉ: tổ I, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Nay là phường T, tỉnh Đồng Nai). ( Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: ông Bùi Văn G, sinh năm 1994. CCCD số 075094013272 do cục C về trật tự xã hội cấp. Địa chỉ: tổ A, ấp H, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.( xã X, tỉnh Đồng Nai) ( Hợp đồng ủy quyền ngày 06/03/2025 số công chứng 000691). ( Có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân N, sinh năm 1989. CCCD số 0750 8902 4088 do cục C về trật tự xã hội cấp ngày 16/8/2021. Địa chỉ: tổ E, ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai) ( Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Trúc Đ, sinh năm 1998. CCCD số 075198011728 do cục C về trật tự xã hội cấp. Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.( Nay là xã G, tỉnh Đồng Nai) Chỗ ở: tổ E, ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. ( nay là xã X, tỉnh Đồng Nai). (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Đ: : Ông Nguyễn Xuân N, sinh năm 1989. Địa chỉ: tổ E, ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai). ( Hợp đồng ủy quyền số ngày 13/5/2025). (Có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị Mai H do ông Bùi Văn G đại diện trình bày:

Bà H và ông Nguyễn Xuân N có quen biết, vợ ông N là bà Nguyễn Thị Trúc Đ. Ông N, bà Đ cần tiền để đi đáo hạn khoản vay cho ngân hàng nên hỏi vay bà H số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) để đi đáo hạn ngân hàng,

Vào ngày 26/11/2024 hai bên ký hợp đồng vay để đáo hạn ngân hàng số tiền 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng), thời hạn vay là 02 ngày từ 26/11/2024 đến 27/11/2024. Hợp đồng có chữ ký của ông N, mục đích đi đáo hạn ngân hàng, do ông N bà Đ là vợ chồng, việc vay mượn này là để phục vụ hoạt động của gia đình, bà Đ cũng biết việc vay mượn nên bà yêu cầu cả ông N, bà Đ cùng trả nợ cho bà H với lãi suất theo hợp đồng là lãi suất dân sự theo pháp luật quy định là 20%/năm (1,6%/tháng).

Vào ngày 26/11/2024, bà H đã chuyển khoản từ ngân hàng tới số tài khoản của ông N là 8566676234751 mở tại ngân hàng M số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng).

Sau khi hết thời hạn vay thì ông N, bà Đ viện lý do ngân hàng không giải ngân đủ tiền để trả cho bà H, không có tiền trả cho bà H. Từ khi vay đến nay, thì vào ngày 05/12/2024 ông N chuyển khoản trả được 300.000.000 đồng tiền gốc (đính kèm ảnh chuyển khoản), tiền lãi là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng). Vì vậy ông N, bà Đ còn nợ bà H 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) tiền gốc và lãi chậm trả. Về tiền lãi thì bà H tính lãi suất 1,6%/tháng trên số tiền gốc còn nợ, tính từ 06/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tạm tính từ 06/12/2024 đến ngày 25/08/2025 là:  $1.000.000.000đ \times 1,6\% / \text{tháng} \times 08 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} : 30 \text{ ngày} = 138.133.333đ$ . Dù đã nhiều lần yêu cầu ông N, bà Đ trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện.

Do vậy, kính đề nghị quý Tòa xem xét và giải quyết cho yêu cầu buộc ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Trúc Đ liên đới trả cho bà H tổng số tiền tạm tính đến 25/08/2025 là: 1.138.133.333đ (một tỷ một trăm ba mươi tám triệu một trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng), trong đó cụ thể: Buộc ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Trúc Đ phải liên đới trả lại cho bà H số tiền gốc còn nợ là: 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) và nợ lãi là 138.133.333đ (một trăm ba mươi tám triệu một trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng). Tổng cộng là 1.138.133.333đ (một tỷ một trăm ba mươi tám triệu một trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Đối với ý kiến của ông N cho rằng bà H thỏa thuận lãi suất 15% / tháng( 0,5%/ ngày) là không đúng. Bà H đồng ý trừ số tiền lãi đã nhận trước đây của ông N là 13.000.000đ.

\* Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án: Hợp đồng vay để đáo hạn ngân hàng ngày 26/11/2024( bản chính), hợp đồng ủy quyền (bản sao); CCCD Bản tự khai ngày 28/03/2025, bản tự khai ngày 08/08/2025; Giấy biên nhận nhận tiền ( bản chính). 02 tờ tin nhắn chuyển tiền ( bản pho to).

- Theo bản tường trình, và tại phiên tòa ông Nguyễn Xuân N trình bày : Vào ngày 26-11-2024 ông có vay tiền của bà Bùi Thị Mai H với số tiền là 1.300.000.000đ để dùng vào việc đáo hạn, thời hạn vay là 2 ngày nói lãi suất là 0,5%/ ngày. Nhưng khi bà H đưa tiền cho ông thì bên Ngân hàng báo lại là chỉ cho vay 300.000.000đ. Buổi sáng ngày 26-11-2024 ông đã trả tiền lãi vay này trong 2 ngày là 13.000.000đ và Ngân hàng M cho ông vay lại vào ngày 5-12-2025 số tiền 300.000.000đ và ông đã chuyển trả trực tiếp vào tài khoản của bà H.

Trong thời gian vừa qua ông có đi tìm hiểu vay các Ngân hàng khác nhưng do lãi suất cao và các khoản phí đi kèm cao công thêm các khoản bảo hiểm của các Ngân hàng yêu cầu mua theo gói vay thêm khoản phí chuyển vay từ Ngân hàng M sang Ngân hàng khác cũng cao nên ông chưa có khả năng trả cho bà H được. Trong hợp đồng vay là vay cá nhân không liên quan gì đến bà Nguyễn Thị Trúc Đ vợ của ông. Khoản vay của ông thì bà H có ủy quyền cho ông Hoàng Văn T, sinh năm 1995 đến nhà tôi và một số người đi cùng đe dọa, uy hiếp tôi buộc tôi phải trả khoản nợ này và tôi thấy lãi suất của bà H cho tôi vay là quá cao so với lãi suất của Ngân hàng N3 đưa ra. Tiền lãi ông có chuyển khoản theo yêu cầu của bà H. Ông không đồng ý việc nguyên đơn yêu cầu cả vợ ông cùng trả nợ vì khoản vay này chỉ có ông ký với bà H, còn vợ ông thì không liên quan vì vợ ông sinh con thì không biết gì.

\* Tài liệu, chứng cứ bị đơn ông N đã giao nộp cho Tòa án: Bản tự khai,

- Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Trúc Đ do ông Nguyễn Xuân N đại diện trình bày :

Bà Đ không đồng ý việc bà H yêu cầu bà Đ cùng trách nhiệm trả nợ cho bà H vì việc vay nợ này là của ông N với bà H, bà Đ không ký vào giấy vay nợ và không biết nên không đồng ý cùng trả nợ.

\* Tài liệu, chứng cứ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã giao nộp cho Tòa án: giấy ủy quyền.

\* Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập: Biên bản xác minh, biên bản giao các văn bản tố tụng.

**I. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai phát biểu ý kiến như sau:**

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán,

+ Về việc nhận đơn và thụ lý đơn khởi kiện của Tòa án:

Ngày 10/3/2025 Tòa án nhận đơn khởi kiện của đương sự, ngày 18/3/2025 Tòa án thụ lý vụ án theo đúng quy định tại Điều 191 BLTTDS.

+ Về thẩm quyền thụ lý vụ án:

Bị đơn cư trú tại xã X, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân khu vực 5-Dồng Nai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo Điều 26, Điểm a, khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Về quan hệ pháp luật: Bà Bùi Thị Mai H khởi kiện yêu cầu Ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Trúc Đ trả lại số tiền đã vay cùng lãi suất nên quan hệ

pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp vay tài sản” theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

+ Về tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng: Bà H khởi kiện đối với ông N nên Tòa án xác định bà H là nguyên đơn; ông N là bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 BLTTDS.

Bà H yêu cầu bà Đ liên đới với ông N trả lại tài sản nên Tòa án xác định bà Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS

+ Về thu thập chứng cứ: Đầy đủ, đúng quy định.

+ Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ: Đầy đủ, đúng quy định.

+ Về thủ tục hoà giải: đúng quy định của pháp luật.

+ Thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 18/3/2025, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án; Ngày 17/7/2025 Tòa án Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử đến ngày 08/8/2025 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 BLTTDS.

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử: Số 10/2025/QĐXXST-DS ngày 08/8/2025 đúng quy định tại Điều 202 BLTTDS.

+ Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu: Gửi hồ sơ đúng hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS.

+ Cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho VKS và người tham gia tố tụng: Đầy đủ, đúng quy định.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71, 72 BLTTDS.

## **II. Về việc giải quyết vụ án**

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại số tiền gốc 1.000.000.000 đồng thấy rằng:

Căn cứ vào hợp đồng vay để đáo hạn ngân hàng, giấy biên nhận tiền ngày 26/11/2024 thể hiện ông N vay của bà H số tiền 1.300.000.000đ được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của ông N, bà H. Ngày 05/12/2024 ông N trả bà H số tiền 300.000.000đ, số tiền này cả ông N và bà H đều thừa nhận và có chứng cứ bằng giao dịch chuyển khoản. Bị đơn ông N cũng xác nhận hiện tại ông còn nợ bà H số tiền 1.000.000.000đ. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại số tiền gốc 1.000.000.000 đồng là có căn cứ.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền lãi là 20%/ năm của số tiền gốc 1.000.000.000đ tính từ ngày 06/12/2024 thấy rằng:

Hợp đồng vay để đảm bảo hạn ngân hàng được các bên ký kết không thể hiện lãi suất, tuy nhiên các bên đều thừa nhận việc vay mượn có lãi suất, nguyên đơn cho rằng lãi suất là 20%/năm (1,6%/tháng) nhưng bị đơn lại cho rằng lãi suất của hợp đồng là 15%/tháng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định “Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”. Do đó chỉ chấp nhận lãi suất là 10%/năm của khoản nợ 1.000.000.000 đồng.

Thời hạn vay của hợp đồng là 02 ngày (ngày 26/11/2024 và ngày 27/11/2024) như vậy ngày 28/11/2024 là thời hạn trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện. Nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ ngày 06/12/2024 cho đến khi giải quyết vụ án là có lợi cho bị đơn và không trái pháp luật nên chấp nhận. Đối với số tiền 13.000.000 đồng tiền lãi mà nguyên đơn đã nhận, tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý sẽ được trừ vào tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Trúc Đ liên đới với ông Nguyễn Xuân N để trả nợ thấy rằng:

Khi vay tiền bà H thì ông N và bà Đ là vợ chồng, mục đích vay tiền là để đảm bảo hạn ngân hàng phục vụ cho mục đích gia đình. Do đó căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân gia đình buộc bà Đ phải liên đới với ông N để trả nợ cho bà H.

Vì các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Trúc Đ liên đới trả lại cho nguyên đơn số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm tính từ ngày 06/12/2024 cho đến nay (được trừ đi số tiền 13.000.000 đồng mà ông N đã trả trước đó).

- Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ pháp luật : Bà Bùi Thị Mai H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Trúc Đ thanh toán số tiền nợ còn nợ gốc là 1.000.000.000đ. Yêu cầu tính tiền lãi chậm trả đối với số tiền ông N, bà Đ không trả cho bà H. Vì vậy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Xuân N có địa chỉ cư trú tại tổ A, ấp E, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.( nay là xã X, tỉnh Đồng Nai), bà Nguyễn Thị Trúc Đ vợ

của ông N không có địa chỉ tại X nhưng hiện nay đang sinh sống cùng ông N tại địa chỉ tại tổ A, ấp E, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai ( nay là xã X, tỉnh Đồng Nai), là người bị nguyên đơn khởi kiện nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Ngày 06/3/2025 bà Bùi Thị Mai H ủy quyền cho ông Bùi Văn G làm đại diện. Văn bản ủy quyền trên đúng theo quy định pháp luật nên được chấp nhận. Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho ông N và bà Đ đến tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng ông N và bà Đ vắng mặt. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp cho ông N, bà Đ theo quy định. Ngày 13/05/2025 bà Nguyễn Thị Trúc Đ có giấy ủy quyền cho ông N đại diện. Ủy quyền của bà Đ đúng theo quy định nên chấp nhận.

[4] Về nội dung: Nguyên đơn bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Căn cứ Điều 92 BLTTDS, HĐXX xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà Bùi Thị Mai H và ông Nguyễn Xuân N là có thật theo “ Hợp đồng vay để đáo hạn ngân hàng và giấy biên nhận nhận tiền” lập vào ngày 26-11-2024 mà hai bên đã ký nhận với tổng số nợ là 1.300.000.000đ. Trong thời gian vay thì ông N có trả cho bà H số tiền nợ gốc là 300.000.000đ và tiền lãi là 13.000.000đ. Bà H khởi kiện và yêu cầu ông N, bà Đ phải trả cho bà H số tiền nợ gốc là 1.000.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 6/12/2024 đến khi xét xử xong với lãi suất là 1.6%/tháng.

[4.1] Xét yêu cầu trên nhận thấy bị đơn thừa nhận việc vay nợ là đúng theo các giấy vay nợ do nguyên đơn bên cung cấp. Việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn và người liên quan là bà Nguyễn Thị Trúc Đ yêu cầu trả số tiền nợ theo giấy vay là có căn cứ nên chấp nhận. Bởi lẽ bà Nguyễn Thị Trúc Đ là vợ của ông Nguyễn Xuân N, ông N ký khoản vay để đáo hạn ngân hàng là khoản vay của ông nhưng mục đích là dùng chung cho gia đình. Ông N và bà Đ đang trong thời kỳ hôn nhân mặc dù một mình ông N ký giấy vay thì bà Đ vẫn phải chịu trách nhiệm liên đới theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Nên việc nguyên đơn yêu cầu ông N và bà Đ chịu trách nhiệm trả nợ là có căn cứ.

Đối với yêu cầu tính tiền lãi nhận thấy: Trong giấy vay nợ các bên thỏa thuận về ngày vay, số tiền vay, thời hạn vay là 2 ngày từ ngày 26-11-2024 đến ngày 27-11-2024, không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể mà chỉ ghi “ *Mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên dựa trên quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam tại thời điểm cho vay*”. Đồng thời trên hợp đồng phần tài sản thế chấp có ghi “ thửa đất số 36, tờ bản đồ số 10, địa chỉ thửa đất là ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai, Diện tích là 5045,7m<sup>2</sup>” tuy nhiên thực tế nguyên đơn xác nhận không có thế chấp vì thửa đất này đang thế chấp cho Ngân hàng.

Theo lời khai ông N cho rằng thỏa thuận lãi suất vay hai ngày là 15%, và ông đã trả cho bà H số tiền lãi là 13.000.000đ, tuy nhiên không có giấy tờ chứng minh việc này. Ông G đại diện của bà H không thừa nhận việc thỏa thuận lãi suất 15%/tháng( 5%/ ngày), bà H thì có xác nhận có nhận của ông N số tiền lãi là

13.000.000đ và không nhận thêm đồng tiền lãi nào từ khi cho ông N vay đến nay. Xét ý kiến của ông N không có chứng cứ để chứng minh nên không chấp nhận.

[4.2] Về yêu cầu tính tiền lãi chậm trả: Hợp đồng vay của bà H và ông N là hợp đồng vay có kỳ hạn, không rõ lãi suất và các bên tranh chấp về việc xác định lãi suất thì lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS là “Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015”. Như vậy lãi suất áp dụng (50% của 20% = 10%/năm) là 10% / năm ( tức 0,83%/ tháng). Việc nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất 1,6%/tháng là không phù hợp với quy định nên không chấp nhận.

Tính lãi chậm trả từ ngày 6/12/2024 đến ngày 25/8/2025 là 259 ngày cụ thể tính như sau:

$1.000.000.000đ \times 0.83\% \times 259 \text{ ngày} : 30 \text{ ngày} = 71.656.666đ$  ( Bảy mươi một triệu sáu trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Nguyên đơn đã nhận số tiền lãi là 13.000.000đ và đồng ý trừ vào số tiền lãi nên tính cụ thể như sau:  $71.656.666đ - 13.000.000đ = 58.656.666đ$ .

Như vậy ông N và bà Đ phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền gốc và lãi là 1.058.656.666đ ( Một tỷ không trăm năm mươi tám triệu sáu trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

[5]. Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận 1 phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể :  $( 36.000.000 + \{ [1.058.656.666đ - 800.000.000đ = 258.656.666đ \times 3\% = 7.759.699] \} = 43.759.699đ$ ). Buộc ông Nguyễn Xuân N phải nộp 43.759.699đ án phí DSST.

Do yêu cầu tính lãi của bà H chỉ chấp nhận 1 phần nên phần không được chấp nhận bà H phải nộp án phí DSST. Cụ thể:

$138.133.333 - 71.656.666đ = 66.476.667đ \times 5\% = 3.323.833đ$ .

Bà H phải nộp 3.323.833đ án phí DSST do. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 21.720.000đ, hoàn trả cho bà H số tiền 18.396.167đ. Theo biên lai thu tiền số 0013047 ngày 17-03-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. ( Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - Đồng Nai).

[6] Xét quan điểm của Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 147 – Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 357, 463, 465, 468, 469 và Điều 471 - Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 27 Luật Hôn Nhân và Gia đình năm 2014

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Mai H.

2. Buộc ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Trúc Đ phải chịu trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Bùi Thị Mai H tổng số tiền nợ là 1.058.656.666đ ( Một tỷ không trăm năm mươi tám triệu sáu trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó: nợ gốc là 1.000.000.000đ, tiền lãi là: 58.656.666đ .

3. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Xuân N phải nộp 43.759.699đ án phí DSST. Bà H phải nộp 3.323.833đ án phí DSST. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 21.720.000đ, hoàn trả cho bà H số tiền là 18.396.166đ. Theo biên lai thu tiền số 0013047 ngày 17-03-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. ( Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - Đồng Nai).

Kể từ ngày Bùi Thị Mai H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Xuân N và bà Nguyễn Thị Trúc Đ chưa thanh toán xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Nai
- VKSND khu vực 5 - Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5- Đồng Nai- thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hsva.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

## **Phí Thị Hồng Năm**

